

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu : Thuê bồn vận chuyển khí CNG lần 3 năm 2026  
Phát hành ngày : \_\_\_ / \_\_\_ /2026  
Ban hành kèm theo QĐ : 135 /QĐ-CNG ngày 29 / 04 /2026

Chủ đầu tư



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Hữu Xuân*

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
Quy định	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 480/QĐ-CNG ngày 01/12/2025.
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung
Nghị định	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

## **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam phát hành Hồ sơ mời thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một túi hồ sơ.
2. Tên gói thầu: Thuê bồn vận chuyên khí CNG lần 3
3. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh
4. Thời gian thực hiện gói thầu là: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **Mục 2. Hành vi bị cấm**

Vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu

### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:

1. Là Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP.
2. Nhà thầu không thuộc Khoản 1 Điều này đáp ứng điều kiện sau đây:
  - a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
  - b) Hạch toán tài chính độc lập;
  - c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;
  - d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
  - e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - f) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn.
3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
  - b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 2 Mục này.

### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSMT**

#### **1. Làm rõ HSMT**

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư muộn nhất vào ngày **06/5/2026**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã nhận HSMT hoặc mua từ Chủ đầu tư, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải

sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

## 2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT, Chủ đầu tư sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn ngày 06/5/2026.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSMT, Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 12 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

## Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSMT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSMT được trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSMT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

## Mục 6. Thành phần của HSMT

HSMT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 (a) (*Áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giám giá riêng*) Chương III – Biểu mẫu;

2. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 (b) (*Áp dụng trong trường hợp nhà thầu đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu*) Chương III – Biểu mẫu;

3. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu có);

4. Thỏa thuận liên doanh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 (nếu có);

5. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu (nếu có);

6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 2 Chương I;

7. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Khoản 4 Mục 11 Chương I;

8. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

9. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 8 Chương I;

10. Đề xuất tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 7 Chương I;

### **Mục 7. Giá dự thầu và giảm giá**

1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.

b) Tất cả các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 05 Chương III.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

### **Mục 8. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng kỹ thuật**

1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương IV.

### **Mục 9. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương III - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

#### **Mục 10. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

#### **Mục 11. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: Chuyển khoản hoặc bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu theo quy định tại HSMT này hoặc Mẫu thư bảo lãnh của ngân hàng phát hành nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm tại Quy định dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục 11 Chương I thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục 11 Chương I thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

## 2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 160.000.000 VNĐ.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

## 4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện như sau:

a) Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, nhà thầu rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Nhà thầu vi phạm quy định tại quy định này và vận dụng theo Luật Đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 Mục 25 Chương I;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp thuận); không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu trừ trường hợp bất khả kháng; đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn không quá 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

## Mục 12. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

### **Mục 13. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, số 475 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu là **10 giờ 00 phút ngày 11 tháng 5 năm 2026**.

2. Chủ đầu tư sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến Chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu.

4. Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho Chủ đầu tư với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 12 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

### **Mục 14. Mở thầu**

1. Chủ đầu tư tiến hành mở thầu công khai HSDT nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSMT vào lúc **10 giờ 30 00 phút ngày 11 tháng 5 năm 2026** tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, số 475 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu và mở thầu đối

với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hoặc không có thư giảm giá kèm theo hồ sơ dự thầu của mình;

b) Kiểm tra niêm phong;

c) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

c) Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); các nội dung đề xuất về tài chính. Chủ đầu tư không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Chủ đầu tư phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

### **Mục 15. Làm rõ HSDT**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trước ngày **13/5/2026**. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư với nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

**Mục 16. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch:** Theo Điều 31 Nghị định

**Mục 17. Nhà thầu phụ:** Không áp dụng.

**Mục 18. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu:** Không áp dụng

**Mục 19. Đánh giá HSDT**

1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá HSDT là:

- a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt;
- b) Đánh giá về kỹ thuật: phương pháp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt;
- c) Đánh giá về giá: phương pháp giá thấp nhất.

2. Đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy trình 01:

2.1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

2.3. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2.4. Sau khi đánh giá về tài chính, nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

3. Đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy trình 02:

a) Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên

bản mở thầu. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Điểm 2.1 Mục 19 Chương I.

c) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Điểm 2.2 Mục 19 Chương I.

d) Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm a Khoản 2.3 Mục 19 Chương I.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

#### **Mục 20. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

#### **Mục 21. Hủy thầu**

1. Tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm, làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã quy định trong hồ sơ mời thầu.
3. Hồ sơ mời thầu không tuân thủ quy định của Quy định hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.
4. Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Chủ đầu tư xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định tại Điều 73 của Quy định.

5. Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

6. Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu (trừ Điểm i Khoản 6 Điều 16 Luật Đấu thầu) dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

7. Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **Mục 22. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Chủ đầu tư gửi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu tới các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện hoặc email và đăng tải trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, trong nội dung văn bản thông báo gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Giá trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Thời gian thực hiện gói thầu;
- f) Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

h) Kế hoạch hoàn thiện (nếu cần thiết, tùy tính chất gói thầu), ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu bằng văn bản trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm 1 Mục 21 Chương I, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.

## **Mục 23. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp

đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

#### **Mục 24. Thay đổi khối lượng dịch vụ**

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 0% khối lượng dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSĐT.

#### **Mục 25. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:**

1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 5 Chương V. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II Chương V hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### **Mục 26. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Hữu Xuân – Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Địa chỉ: số 475, đường Nguyễn An Ninh, phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh. ĐT: 0254 3 574 635 Fax: 0254 3 574 619.

b) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn:

Ông Hoàng Đình Phong – Phụ trách mua sắm phòng TMĐT - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Địa chỉ: số 475, đường Nguyễn An Ninh, phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh. ĐT: 0254 3 574 635 Fax: 0254 3 574 619.

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐT**

#### **1.1. Kiểm tra HSĐT**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐT;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐT theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐT.

#### **1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐT**

HSĐT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐT;
- b) Có đơn dự thầu thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.
- e) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương III. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 05 Chương III.
- f) Thời gian có hiệu lực của HSĐT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- g) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- h) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá tại Bảng số 1.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu nhà thầu tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(1)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(2)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(3)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 13.968.000.000 VND.	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(3)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 13.968.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu nhà thầu tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
			Tổng thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh		
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự</b>	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(4)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất tương tự: Cung cấp vận chuyển LPG, LNG, CNG và khí công nghiệp.</li> <li>- Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 4.567.536.000 VNĐ<sup>(5)</sup>.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không

hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.*

Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(5) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là Y, trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% giá trị của từng hạng mục công việc trong gói thầu đang xét, trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục công việc tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục công việc tương tự có giá trị lớn hơn 30% giá trị của hạng mục dịch vụ gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Phạm vi cung cấp	Cam kết cung cấp đầy đủ, phù hợp theo Mục 2 Chương IV– Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
		Không cam kết hoặc cam kết thiếu hoặc không phù hợp yêu cầu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
2	Yêu cầu kỹ thuật	Đạt tất cả các tiêu chí tại Mục 3 Chương IV– Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
		Không đạt bất cứ tiêu chí tại Mục 3 Chương IV– Yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
<b>Kết luận</b>		Tất cả các tiêu chí 1,2 được xác định là Đạt.	Đạt
		Có bất kỳ yêu cầu trên được xác định là Không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được đánh giá bước tiếp theo.

### Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại Mục 15 Chương I;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Mục 15 Chương I;

Bước 4: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01 (a)

#### ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)*

Ngày: \_\_\_ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: \_\_\_ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: \_\_\_ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] <sup>(2)</sup> cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ dự thầu có hiệu lực là \_\_\_ ngày [Ghi số ngày] <sup>(3)</sup>, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu] <sup>(4)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 25 Chương I;

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(5)</sup>**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 13 Chương I.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)*

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ *[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* <sup>(2)</sup> cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*<sup>(3)</sup>.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là \_\_\_\_ ngày *[Ghi số ngày]* <sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*<sup>(5)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(6)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 13 Chương I.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 13 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

### Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 05 Chương này.

(4) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>****Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi bị cấm vận dụng quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 5 và 6 Mục 21 Chương I;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 25 Chương I;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp thuận); không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu trừ trường hợp bất khả kháng; đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng<sup>(5)</sup>**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 11.2 Chương I.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 13 Chương I.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 12 Chương I và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(5) Trường hợp sử dụng Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì ghi là “Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm”.

## BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian thuê (tháng)	Đơn giá thuê (thiết bị/tháng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	$(8)=(4) \times (5) \times (6)$
1	Bồn chứa khí CNG dung tích 40 m <sup>3</sup> (có kèm theo rơ mooc)	Theo quy định tại Chương IV	Thiết bị	6	12		M1
	Cộng trước thuế VAT						M1
	Thuế VAT						M2
	<b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) [kết chuyển sang Đơn dự thầu]</b>						<b>M3=M1 + M2</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền từ (1) (2) (3) (4) (5) (6):

(3) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ (7), (8):

(7), (8): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Đối với thuế VAT, nhà thầu ghi rõ thuế suất.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

Ngày: \_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty: <i>[ghi năm thành lập công ty]</i>
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: <i>[tại nơi đăng ký]</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
 [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng <sup>(1)</sup>	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Bảng số 01 Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT<sup>(2)</sup>.</b>			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó.

Ghi chú:

(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(2) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA  
NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Bảng số 01 Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm tại Bảng số 1 Mục 2 Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Chủ đầu tư phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(1)</sup>			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN THIẾT BỊ<sup>(1)</sup>

\_\_\_, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

I		Hồ sơ yêu cầu của Bồn chứa CNG				
Bồn chứa CNG		Biên bản kiểm định bình chịu áp lực	Giấy chứng nhận kiểm định van an toàn (nếu có)	Giấy chứng nhận kiểm định đồng hồ áp lực	Giấy chứng nhận đồng hồ nhiệt độ	Lý lịch bình chịu áp lực
TT	Số tube skid	Dung tích	Năm chế tạo	Ngày hết hạn của hồ sơ	Ngày hết hạn của hồ sơ	Ngày hết hạn của hồ sơ
1	___ [ghi số tube skid của bồn]	___ [ghi dung tích của bồn]	___ [ghi năm chế tạo của bồn]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]
2	...					
II		Hồ sơ yêu cầu của Xe somi-romooc				
Xe somi-romooc		Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi - rơ mooc	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ	Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sơ mi - rơ mooc		
TT	Biển số	Số khung	Năm sản xuất	Ngày hết hạn của hồ sơ	Ngày hết hạn của hồ sơ	Ngày hết hạn của hồ sơ
1	___ [ghi biển số của xe somi - romooc]	___ [ghi số khung của xe somi - romooc]	___ [ghi năm sản xuất của xe somi - romooc]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]	___ / ___ / ___ [ghi ngày hết hạn của hồ sơ]

2	...				
---	-----	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu kê khai thông tin của thiết bị theo yêu cầu quy định tại Chương IV – Yêu cầu kỹ thuật
- (2) Thiết bị phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê. Trường hợp nhà thầu đi thuê, nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng thuê cho Chủ đầu tư hoặc bản gốc khi Chủ đầu tư cần đổi chiếu.
- (3) Nhà thầu phải đính kèm các tài liệu theo quy định tại Mục 3, Chương IV – Yêu cầu kỹ thuật

## Chương IV. YÊU CẦU KỸ THUẬT

### Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện bàn giao thiết bị: Công ty cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Nam; Đường số 15, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Mục 2. Mục tiêu công việc

Mục tiêu công việc được mô tả theo Bảng dưới đây:

**Bảng số 1. Phạm vi cung cấp**

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả	Đơn vị	Số lượng thuê	Thời gian thuê (tháng)
1	Bồn chứa khí CNG dung tích 40 m <sup>3</sup> (có kèm theo rơ mooc)	Tương ứng với mô tả tại Bảng số 2 Mục 3 Chương IV	Thiết bị	6	12

### Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

**Bảng số 2. Yêu cầu kỹ thuật**

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>Bồn chứa CNG</b>		
1	Năm sản xuất	Từ năm 2015 về sau	Trước năm 2015
2	Loại Cylinder	Cylinder loại thép/composite/thép và composite	Loại khác
3	Dung tích nước tổng cộng	≥ 40 m <sup>3</sup> – 1%	< 40 m <sup>3</sup> – 1%
4	Áp suất làm việc	≥ 250 Bar	< 250 Bar
5	Nhiệt độ làm việc	-40 °C đến 82 °C	Không tuân thủ
6	Áp suất thử thủy lực của nhà sản xuất khi xuất xưởng	≥ 375 Bar	< 375 Bar
7	Thời gian sử dụng còn lại của cylinder tính từ thời điểm xuất xưởng	≥ 05 năm	< 05 năm

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
8	Trang bị đầy đủ van tổng, van cô lập từng nhánh/từng chai, đồng hồ áp suất (cơ hoặc điện tử), đồng hồ nhiệt độ (cơ hoặc điện tử), van an toàn/màng nổ.	Có trang bị, thể hiện thông qua bản vẽ thiết kế bồn hoặc lý lịch thiết bị bồn	Không trang bị
9	Có đầy đủ và còn hiệu lực tối thiểu đến ngày hết hạn của HSDT các loại giấy tờ (*) sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản kiểm định bình chịu áp lực (phát hành bởi các đơn vị được cấp phép kiểm định của Bộ GTVT);</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định bình chịu áp lực (phát hành bởi các đơn vị được cấp phép kiểm định của Bộ GTVT);</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định van an toàn (nếu có);</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định đồng hồ áp lực;</li> <li>- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đồng hồ nhiệt độ (nếu có);</li> <li>- Lý lịch bình chịu áp lực.</li> </ul>	Tuân thủ	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các loại giấy tờ
<b>II</b>	<b>Xe Rơ moóc</b>		
1	Năm sản xuất	Từ năm 2015 về sau	Trước năm 2015
2	Chiều dài	$\leq 12.436$ mm	Không tuân thủ
3	Chiều rộng	$\leq 2.525$ mm	Không tuân thủ
4	Chiều cao	$\leq 1.581$ mm	Không tuân thủ
5	Số Trục	$\geq 02$	$< 02$
6	Khối lượng hàng hóa chuyên chở theo thiết kế	$\geq 30.000$ kg	Không tuân thủ
7	Bộ nối điện giữa phương tiện kéo và được kéo - Bộ nối 7 cực kiểu 24N (thông dụng) sử dụng trên các phương tiện có điện áp 24V” tuân theo TCVN 7480.	Tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ	Không tuân thủ hoặc không cam kết tuân thủ
8	Chốt kéo cỡ 50 theo TCVN 7475 “Phương tiện giao thông đường bộ - Chốt kéo sơ mi rơ moóc cỡ 50 - Kích thước cơ bản và kích thước lắp đặt/lắp lẩn.	Tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ	Không tuân thủ hoặc không cam kết tuân thủ

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
9	Lớp sử dụng cho xe theo các yêu cầu sau: - Cỡ lớp 10.00-12.00 (R22.5) có ruột hoặc không ruột; - Loại lớp radial (có số lớp bố 16 đến 18) bán thép hoặc toàn thép	Tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ	Không tuân thủ hoặc không cam kết tuân thủ
10	Có đầy đủ và còn thời hạn hiệu lực tối thiểu đến ngày hết hạn của HSDT các loại giấy tờ (*) sau: - Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc; - Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ; - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường rơ mooc.	Tuân thủ	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ các loại giấy tờ

Ghi chú:

(\*) Yêu cầu các giấy tờ phải còn hiệu lực tối thiểu đến ngày hết hạn của HSDT. Trường hợp các giấy tờ mà nhà thầu cung cấp hết hạn trước ngày hết hạn của HSDT thì nhà thầu phải gửi kèm bản cam kết bổ sung các giấy tờ này cho Chủ đầu tư trước thời điểm Chủ đầu tư nhận thiết bị.

Đối với các giấy tờ cung cấp bản photo, nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo cung cấp bản gốc các giấy tờ này cho Chủ đầu tư khi cần đối chiếu.

## Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*Bộ luật dân sự số .....*];
- Căn cứ \_\_\_\_ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];
- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

### **Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư [*Ghi tên Chủ đầu tư*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

### **Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

## **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cho Bên A thuê 06 bồn chứa CNG, có kèm theo Rơ moóc (sau đây gọi là Thiết bị) dùng để vận chuyển khí CNG. Chi tiết thiết bị như Phụ lục 1; Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm.

## **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng và Phụ lục đi kèm;
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
3. Hồ sơ dự thầu;
4. Hồ sơ mời thầu;
5. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

## **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

### **1. Quyền của Bên A:**

- a. Được sử dụng Thiết bị nêu trên cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của Bên A.
- b. Bằng chi phí của mình, Bên A được lắp đặt thêm các thiết bị đo đếm, thiết bị an toàn trên bồn và Sơ mi rơ moóc của Bên B để phục vụ công tác sản xuất. Các thiết bị này Bên A sẽ tháo, thu hồi sau khi hợp đồng hết hiệu lực.
- c. Bằng chi phí của mình, Bên A được thực hiện quảng cáo nhận diện thương hiệu của Bên A trên Thiết bị của Bên B và tháo dỡ quảng cáo khi hợp đồng hết hiệu lực.
- d. Các quyền lợi khác được quy định trong Hợp đồng.

### **2. Nghĩa vụ của Bên A:**

- a. Sử dụng thiết bị theo đúng hướng dẫn sử dụng của Nhà sản xuất.
- b. Phối hợp với Bên B kiểm tra, giao nhận Thiết bị và hồ sơ thiết bị theo quy định Phụ lục 3 của Hợp đồng trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.
- c. Bằng chi phí của mình, Bên A chịu trách nhiệm thực hiện BDSC định kỳ áp dụng theo các hướng dẫn bảo dưỡng thiết bị do Bên A ban hành và sửa chữa các hư hỏng khác phát sinh trong quá trình sử dụng. Nội dung công việc được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 3- “PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VỀ CÔNG TÁC BDSC, KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ VÀ XIN CẤP PHÉP”.
- d. Có trách nhiệm bàn giao cho Bên B các Quy trình, hướng dẫn BDSC Thiết bị đã ban hành và đang được áp dụng tại Bên A, cụ thể theo Phụ lục 03 của Hợp đồng (nếu Bên B có yêu cầu).
- e. Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

- f. Chịu trách nhiệm dân sự do lỗi vận hành của Bên A gây ra cho bất kỳ đối tượng nào.
- g. Hoàn trả Thiết bị cho Bên B khi kết thúc hợp đồng hoặc khi có sự thoả thuận khác.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

##### **1. Quyền của Bên B**

- a. Được nhận đầy đủ, đúng hạn giá trị tiền thuê thiết bị theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.
- b. Được quyền kiểm tra tình trạng của thiết bị trong thời gian thuê, nhưng phải thông báo trước kế hoạch kiểm tra thiết bị cho Bên A tối thiểu trước 07 ngày.
- c. Các quyền lợi khác được quy định trong Hợp đồng.

##### **2. Nghĩa vụ của Bên B:**

- a. Bàn Giao Thiết bị và hồ sơ Thiết bị còn hiệu lực theo Phụ lục 02 của Hợp đồng đúng tiến độ, địa điểm, số lượng, quy cách như đã nêu trong Hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
- b. Phối hợp với Bên A kiểm tra và ký Biên bản bàn giao Thiết bị.
- c. Có trách nhiệm phối hợp với Bên A xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong thời gian thuê Thiết bị khi có yêu cầu.
- d. Chịu toàn bộ trách nhiệm với Bên A về các vi phạm của Thiết bị do không đủ điều kiện lưu hành khi thực hiện Hợp đồng.
- e. Bằng chi phí của mình, Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa, thay thế phụ tùng, khắc phục sự cố để đưa Thiết bị trở lại trạng thái hoạt động bình thường trong trường hợp thiết bị bị lỗi mà không do lỗi của Bên A hoặc khi nhận được thông báo của Bên A về việc thực hiện các hạng mục liên quan đến trách nhiệm của Bên B quy định tại Phụ lục 3 của Hợp đồng;  
Trong vòng 24h kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không thực hiện hoặc không có phản hồi gì, thì Bên A sẽ chủ động sửa chữa, thay thế để tiếp tục sử dụng thiết bị. Mọi chi phí liên quan trong quá trình sửa chữa, thay thế, Bên B có trách nhiệm thanh toán lại cho Bên A (bao gồm chi phí nhân công và chi phí vật tư thay thế).
- f. Bằng chi phí của mình thực hiện các công việc: BDSC, kiểm định, hiệu chuẩn Thiết bị, cấp phép các giấy chứng nhận hết hạn, mua bảo hiểm vật chất cho thiết bị. Nội dung công việc được thể hiện chi tiết tại Phụ lục số 3 – “PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VỀ CÔNG TÁC BDSC, KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ VÀ XIN CẤP PHÉP”.

g. Bên B chủ trì làm việc với đơn vị bảo hiểm để giải quyết các tổn thất tài sản xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

#### **Điều 5. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.**

1. Bên B phải nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, được phát hành bởi tổ chức tín dụng trong nước theo Mẫu số 01 hoặc của tổ chức tín dụng được Bên A chấp nhận, có giá trị 2% giá trị hợp đồng.

2. Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh: 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng.

3. Nếu Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện cho đến khi công việc được hoàn thành và tất cả các khuyết điểm được khắc phục.

4. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng này, Bên A có quyền sử dụng Bảo lãnh thực hiện.

5. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

d) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

e) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

f) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 6. Khối lượng, chi phí thuê tháng và giá trị hợp đồng**

1. Khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng tạm tính

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tháng thuê (tháng)	Đơn giá thuê thiết bị/tháng (VND)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	$7 = 4 * 5 * 6$
01	06 Bồn chứa CNG 40,25m3 (có kèm theo rơ mooc)	Thiết bị	6	12		
	Cộng trước thuế:					
	Thuế GTGT (8%)					
<b>Giá trị tạm tính của hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)</b>						

2. Thời gian tính tháng thuê: Tháng thuê thiết bị (sau đây gọi tắt là tháng M): Từ ngày 25 của tháng M-1 đến hết ngày 24 của tháng M.

3. Cách tính chi phí thuê:

a. Chi phí thuê đủ tháng: Chi phí thuê được tính theo đơn giá thuê tháng nhân với số lượng thiết bị thực tế sử dụng.

b. Trường hợp thuê không đủ tháng:

Trường hợp thời gian thuê không đủ một (01) tháng, chi phí thuê (chưa bao gồm thuế GTGT) được tính theo công thức:

**Chi phí thiết bị tháng M = Đơn giá thuê thiết bị/Số ngày trong tháng M x Số ngày thực tế x Số lượng thiết bị.**

4. Thời gian quyết toán khối lượng thực tế thuê thiết bị hàng tháng muộn nhất trong ngày cuối cùng của tháng M.

5. Đối với các thiết bị được sử dụng trong điều kiện hoạt động bình thường, thời gian tính chi phí thuê tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày/tháng cho tổng số thiết bị thuê (6 thiết bị), trừ các tháng phát sinh việc giao hoặc trả thiết bị.

**Điều 7. Kế hoạch thanh toán, loại hợp đồng, hình thức thanh toán, điều chỉnh thuế.**

1. Bên A thanh toán 100% chi phí thuê hàng tháng cho Bên B trong vòng 25 ngày làm việc của tháng sau liền kề tháng thuê Thiết bị kể từ ngày Bên A nhận đủ các chứng từ thanh toán hợp lệ, hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền ký trong trường hợp Bên B thay đổi số tài khoản thụ hưởng khác với số tài khoản theo Hợp đồng: 01 bản gốc;

- Hóa đơn VAT hợp lệ, hợp pháp và được xuất chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng;

- Biên bản xác nhận thời gian và số lượng Thiết bị thuê do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký: 02 bản gốc.

- Bảng kê tổng hợp tiền thuê thiết bị do đại diện có thẩm quyền của 2 ký: 02 bản gốc;

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

4. Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị hợp đồng, thì hai Bên sẽ thống nhất điều chỉnh giá trị phân công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách thuế và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách thuế hiện hành.

**Điều 8. Thời gian thuê, thời gian thực hiện hợp đồng và địa điểm bàn giao thiết bị**

1. Thời gian thuê thiết bị: 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 13 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng.

3. Địa điểm bàn giao thiết bị: Công ty cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền

Nam, đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.

### **Điều 9. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại**

#### 1. Phạt vi phạm hợp đồng

##### a. Phạt do bàn giao thiết bị không đúng cam kết:

Trường hợp Bên B bàn giao thiết bị và/hoặc hồ sơ thiết bị không đúng về chất lượng, chủng loại, số lượng, tiến độ theo quy định tại Điều 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng, thì Bên B phải chịu khoản phạt vi phạm tương đương 0,1%/ngày tính trên giá trị thuê của phần thiết bị vi phạm cho mỗi ngày chậm.

Tổng mức phạt vi phạm theo nội dung này không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

##### b. Phạt do gián đoạn thiết bị

Trường hợp thời gian sử dụng thiết bị của Bên A bị gián đoạn mà:

- Không do lỗi của Bên A; và/hoặc
- Việc khắc phục sự cố, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định thuộc trách nhiệm của Bên B kéo dài quá 48 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố mà không có văn bản chấp thuận của Bên A,

thì Bên B phải chịu khoản phạt vi phạm tương đương 0,1%/ngày tính trên giá trị thuê của thiết bị bị gián đoạn cho mỗi ngày gián đoạn vượt quá 48 giờ.

Tổng mức phạt đối với hành vi này không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

#### 2. Bồi thường thiệt hại

Trường hợp các vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này gây thiệt hại cho Bên A, Bên B có trách nhiệm bồi thường chi phí thuê thiết bị thay thế phát sinh cho Bên A.

#### 3. Nguyên tắc áp dụng

- Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, chứng từ hợp lý để chứng minh thiệt hại phát sinh.
- Việc áp dụng phạt vi phạm không loại trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của Bên B.

### **Điều 10. Sự kiện bất khả kháng và miễn trừ trách nhiệm**

Một Bên không bị coi là vi phạm Hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình là do một trong các trường hợp sau:

#### 1. Sự kiện bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, bạo loạn, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các sự kiện khách quan khác nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của các Bên.

Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 2 ngày kể từ khi xảy ra sự kiện và thực hiện các biện pháp hợp lý để hạn chế thiệt hại.

Trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ của các Bên được tạm hoãn thực hiện tương ứng với thời gian bị ảnh hưởng, trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản đã phát sinh trước đó.

## 2. Thay đổi chủ trương của cơ quan quản lý

Trường hợp có chủ trương, quyết định hoặc yêu cầu của:

- Nhà nước có thẩm quyền;
- Tập đoàn Công nghiệp và Năng lượng Quốc gia Việt Nam; hoặc
- Tổng Công ty Khí Việt Nam,

dẫn đến việc một hoặc cả hai Bên phải thay đổi hình thức kinh doanh hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng, thì các Bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh hoặc tạm hoãn thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng, các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

## 3. Sụt giảm sản lượng của Bên A

Trường hợp Bên A bị sụt giảm sản lượng dẫn đến không có nhu cầu sử dụng thiết bị, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 2 ngày.

Hai Bên sẽ phối hợp xác nhận việc tạm hoãn sử dụng thiết bị và thống nhất phương án xử lý thiết bị trong thời gian tạm hoãn.

## **Điều 11. Chấm dứt hợp đồng**

### 1. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a. Hai Bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng;
- b. Hợp đồng hết thời hạn và các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ;
- c. Một trong Hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 2

Điều này;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của Hai Bên.

### 2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

Trường hợp một trong Hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn ngoài các trường hợp quy định tại Điều 10 của Hợp đồng, Bên đơn phương chấm dứt phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại số tiền tương ứng với chi phí 03 (ba) tháng thuê thiết bị theo đơn giá quy định trong Hợp đồng, trừ khi Hai Bên có thỏa thuận khác.

3. Nghĩa vụ sau khi chấm dứt

Khi Hợp đồng chấm dứt, Hai Bên có trách nhiệm:

- Thực hiện đối chiếu và quyết toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh đến thời điểm chấm dứt;
- Bên B thu hồi thiết bị (nếu có);
- Các nghĩa vụ thanh toán, bồi thường (nếu có) vẫn tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hoàn tất.

**Điều 12. Giải quyết tranh chấp**

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai Bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

2. Trường hợp trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà hai Bên không đạt được thỏa thuận giải quyết, thì một trong hai Bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thi hành đối với hai Bên. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do Bên thua kiện chịu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Điều 13. Điều khoản chung**

1. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Với mọi sửa đổi bổ sung Hợp đồng được thực hiện bằng văn bản có đại diện của hai bên ký xác nhận. Các văn bản sửa đổi bổ sung là một phần không tách rời hợp đồng.

2. Hiệu lực của Hợp đồng: Kể từ ngày hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và ngày bàn giao thiết bị.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này.

4. Hợp đồng sẽ hết hiệu lực và tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng;

5. Những vấn đề không được đề cập tại Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo luật pháp hiện hành của Việt Nam.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản. Bên A sẽ giữ 03 bản. Bên B sẽ giữ 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A**

**PHỤ LỤC 1: ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ**

(Đính kèm Hợp đồng số ...../2026/HĐKT-CNG ngày )

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHUẨN
<b>I</b>	<b>Bồn chứa CNG</b>	
1	Năm sản xuất	2016
2	Loại Cylinder	Composit
3	Dung tích nước tổng cộng	40.250 lít
4	Áp suất làm việc	250Bar
5	Nhiệt độ làm việc	-40÷82 °C
6	Áp suất thử thủy lực	375 Bar
7	Thời gian sử dụng còn lại của cylinder tính từ thời điểm xuất xưởng	11 năm
8	Trang bị đầy đủ van tổng, van cô lập từng nhánh/từng chai, đồng hồ áp suất (cơ hoặc điện tử), đồng hồ nhiệt độ (cơ hoặc điện tử), van an toàn/màng nổ.	Có trang bị
<b>II</b>	<b>Xe semi-rơ mooc</b>	
1	Năm sản xuất	2016
2	Chiều dài	12.340 mm
3	Chiều rộng	2.500
4	Chiều cao rơ mooc	≤ 1.500 mm
5	Số Trục	03
6	Khối lượng hàng hóa chuyên chở theo thiết kế	≥ 32.000 kg
7	Bộ nối điện giữa phương tiện kéo và được kéo - Bộ nối 7 cực kiểu 24N (thông dụng) sử dụng trên các phương tiện có điện áp 24V” tuân theo TCVN 7480.	Tuân thủ
8	Chốt kéo cỡ 50 theo TCVN 7475 “Phương tiện giao thông đường bộ - Chốt kéo sơ mi rơ moóc cỡ 50 - Kích thước cơ bản và kích thước lắp đặt/lắp lẫn.	Tuân thủ
9	Lốp sử dụng cho xe theo các yêu cầu sau: - Loại lốp 11.00 có ruột/không ruột; - Loại lốp radial (có số lớp bố 18) và có gai dọc.	Tuân thủ
<b>III. Bồn được lắp đặt cố định trên Rơ mooc bằng các liên kết theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.</b>		

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THIẾT BỊ VÀ HỒ SƠ THIẾT BỊ**

(Đính kèm Hợp đồng số ...../2026/HĐKT-CNG ngày )

STT	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật/PN/SN	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>				
1	Bồn chứa CNG (cụm 115 chai) Dung tích 40.25 m <sup>3</sup>	Nhà SX: Năm SX: Số chế tạo:	Cái	06	Hoạt động bình thường
2	Rơ mooc Biển kiểm soát:	Nhà SX: Năm SX: Số khung:	Cái	06	Hoạt động bình thường
3	Lốp rơ mooc	Nhà sản xuất: Thông số: Số Seria lốp:	Cái	72	Hoạt động bình thường
<b>II</b>	<b>HỒ SƠ THIẾT BỊ</b>				
01	Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ số:	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
02	Chứng nhận đăng ký rơ mooc số:	Cấp ngày	Tờ	06	Bản gốc
03	Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số:	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
04	Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản rơ mooc (nếu có):	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
05	Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản bồn chứa (nếu có):	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
06	Giấy chứng nhận kết quả kiểm định Bình chịu áp lực số:	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc

07	Biên bản kiểm định kỹ thuật an toàn bình chịu áp lực số:	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
08	Giấy chứng nhận kiểm định van an toàn số:	Cấp ngày Hết hạn ngày			
09	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đồng hồ nhiệt độ số:	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
10	Giấy chứng nhận kết quả kiểm định đồng hồ áp suất	Cấp ngày Hết hạn ngày	Tờ	06	Bản gốc
11	Lý lịch Bình chịu áp lực		Cuốn	06	Bản copy
12	Hướng dẫn sử dụng bồn chứa		Bộ	06	Bản copy

**PHỤ LỤC 3**  
**PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM**  
**VỀ CÔNG TÁC BDSC, KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ VÀ XIN CẤP PHÉP**  
*(Đính kèm Hợp đồng số ...../2026/HĐKT-CNG ngày )*

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TẦN SUẤT THỰC HIỆN	TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
<b>I</b>	<b>BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA RƠ MOOC VÀ BỒN</b>		
<b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tổng thể bên ngoài;</li> <li>- kiểm tra chai chứa khí;</li> <li>- Kiểm tra hệ thống nạp khí;</li> <li>- Kiểm tra chức năng hoạt động và rò rỉ khí van tay gạt, đường ống hơi, co nối, các bulong đai ốc của hệ thống khoá an toàn rơ mooc;</li> </ul>	3 tháng/lần	Bên A
<b>2</b>	Bảo dưỡng Rơ mooc: Thực hiện bảo dưỡng ở chu kỳ 2 tháng/lần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm mỡ;</li> <li>- Kiểm tra và căn chỉnh;</li> <li>- Kiểm tra căn chỉnh lệch trục;</li> <li>- Kiểm tra chân chống (độ rơ chân chống, độ rơ trong hộp số, bơm mỡ);</li> <li>- Kiểm tra hệ thống điện (đèn biển số, đơ mi, đèn stop, sinal);</li> <li>- Kiểm tra và thay thế cao su tay hơi nếu phát hiện hư hỏng;</li> <li>- Kiểm tra hệ thống hơi, Khoá hơi an toàn rơ mooc;</li> </ul>		Bên A
<b>3</b>	Lắp khoá hơi an toàn trên bồn.		Bên A
<b>4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế các thiết bị trên rơ mooc khi có phát sinh hư hỏng trong quá trình sử dụng như: Bạc đạn, phốt đầu trục, bố thắng, tăng búa, cao su giò gà, nhíp, balance, cóc chia hơi, bầu hơi các loại, giò đá, ốc mặt trăng, tăng búa, chân chống</li> </ul>	Phát sinh hư hỏng trong quá trình sử dụng	Bên A

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÀN SUẤT THỰC HIỆN	TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
	<p>rơ mooc, tắc kê, tay hơi, thanh giằng ngang, các bóng đèn, ổ cắm điện 7 chấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế đầu đực trên bồn khi có phát sinh hư hỏng trong quá trình sử dụng.</li> <li>- Thay thế lớp xe hư hỏng đột xuất trên đường vận chuyển khí mà nguyên nhân không phải do hao mòn trong quá trình sử dụng.</li> <li>- Thay thế chân chống rơ mooc trong quá trình sử dụng nếu do lỗi của Bên A (chân chống bị cong vênh, biến dạng, nứt gãy so với hiện trạng ngày bàn giao thiết bị)</li> </ul>		Bên A
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay gói đỡ cổ chai, chai chứa khí, van cổ chai, đường ống trên bồn nếu hỏng</li> <li>- Thay thế các thiết bị trên bồn khi có phát sinh hư hỏng trong quá trình sử dụng như: Van an toàn, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, các van, fitting.</li> <li>- Thay chân chống rơ mooc trong mọi trường hợp ngoại trừ các trường hợp trách nhiệm thay thuộc về Bên A theo quy định tại mục số 4 – phụ lục số 3 của Hợp đồng.</li> </ul>		Bên B
6	Thay thế các lớp xe rơ mooc khi có độ sâu của gai $\leq 2\text{mm}$ (hao mòn trong quá trình sử dụng)	Khi phát sinh hư hỏng trong suốt thời hạn của hợp đồng	Bên B
<b>II</b>	<b>KIỂM ĐỊNH</b>		
7	Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho rơ mooc.		Bên B
8	Kiểm định KTAT thiết bị áp lực bồn theo chu kỳ 3 năm.		Bên B (Chịu sự giám sát của bên A)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TÀN SUẤT THỰC HIỆN	TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
			trong quá trình thực hiện)
9	Kiểm định các thiết bị trên xe bồn (Van an toàn, áp kế, nhiệt kế). Tại thời điểm kiểm định áp kế và nhiệt kế nếu không đạt, có độ sai lệch lớn thì Bên B có trách nhiệm thay thế thiết bị mới trước khi đưa bồn vào hoạt động lại.		Bên B (Chịu sự giám sát của Bên A trong quá trình thực hiện)
<b>III</b>	<b>CẤP PHÉP</b>		
10	Mua bảo hiểm tài sản cho Bồn & Rơ mooc		Bên B
11	Xin cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ cho rơ mooc		Bên B

**Ghi chú:**

1. Trước khi nhận bàn giao Thiết bị, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra tổng thể để đảm bảo:
  - Rơ mooc hoạt động bình thường (Hệ thống hơi và hệ thống điện),
  - Vỏ đạt đủ tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của HSMT, loại lớp 11.000 có sẫm/không sẫm, yếm, loại lớp radial có số lớp bố 18 và có gai dọc);
  - Các thiết bị trên Bồn: Van an toàn, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, các van và fitting, đường ống đảm bảo hoạt động bình thường (Các van không bị passing, test trước khi giao nhận);
2. Bên B phải bàn giao đầy đủ bản gốc các hồ sơ tại phụ lục 2 cho Bên A khi thực hiện bàn giao thiết bị.

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Bên A*]

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Bên A bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên A bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên A thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên A xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.

